

Bản án số: 19/2024/HSST
Ngày 17-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG
TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Ông Hồ Sỹ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh T – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 386/2023/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2023/HSST-QĐXX ngày 27 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1988, tại tỉnh Hòa Bình 8; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 127/1 đường X, phường T, TP., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở hiện tại: A đường X, phường T, TP., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Bố: Nguyễn Sỹ T1 và mẹ: Nguyễn Thị S; vợ: Cao Thị Mỹ H và có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/11/2013, Công an T3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự số: 173/QĐ-XPHC số tiền 2.000.000đồng, do đã có hành vi vi phạm hành chính trên lĩnh vực an ninh trật tự, đã nộp phạt xong ngày 11/11/2013; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện trú tại: A đường X, phường T, TP., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm: 1980, trú tại: A đường N, phường D, TP., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh Trần Văn B, sinh năm: 1990, trú tại: 1 đường H, phường G, TP., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết và có nhu cầu vay tiền nên chị **Trần Thị Tuyết N** đã gọi điện thoại cho bị cáo **Nguyễn Tiến D** để thỏa thuận vay tiền 06 lần. Cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 19/3/2023, vay số tiền 50.000.000đồng, trả góp mỗi ngày 2.000.000đồng, trong vòng 30 ngày, thu trước 01 ngày là 2.000.000đồng. Số tiền còn lại 48.000.000đồng, bị cáo **D** chuyển khoản cho chị **N**. Khi vay tiền thì bị cáo **D** và chị **N** có viết giấy vay mượn tiền. Chị **N** đã thanh toán xong. Số tiền lãi bị cáo **D** thu được là 10.000.000đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 9.178.082đồng.

- *Lần 02*: Ngày 08/4/2023, vay số tiền 50.000.000đồng, trả góp mỗi ngày 2.000.000đồng, trong vòng 30 ngày, thu trước 01 ngày là 2.000.000đồng và trừ tiền nợ cũ. Số tiền còn lại 28.000.000đồng, bị cáo **D** chuyển khoản cho chị **N**. Chị **N** đã thanh toán xong. Số tiền lãi bị cáo **D** thu được là 10.000.000đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 9.178.082đồng.

- *Lần 03*: Ngày 20/4/2023, vay số tiền 50.000.000đồng, trả góp mỗi ngày 2.000.000đồng, trong vòng 30 ngày, thu trước 01 ngày là 2.000.000đồng và trừ tiền nợ cũ. Số tiền còn lại 14.000.000đồng, bị cáo **D** chuyển khoản cho chị **N**. Chị **N** đã thanh toán xong. Số tiền lãi bị cáo **D** thu được là 10.000.000đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 9.178.082đồng.

- *Lần 04*: Ngày 29/4/2023, vay số tiền 50.000.000đồng, trả góp mỗi ngày 2.500.000đồng, trong vòng 25 ngày, thu trước 02 ngày là 5.000.000đồng và 2.000.000đồng của lần thứ 03 (ngày 20/4/2023). Số tiền còn lại 43.000.000đồng, bị cáo **D** chuyển khoản cho chị **N**. Chị **N** đã thanh toán xong. Số tiền lãi bị cáo **D** thu được là 12.500.000đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 11.815.068đồng.

- *Lần 05*: Ngày 04/5/2023, vay số tiền 50.000.000đồng, trả góp mỗi ngày 2.000.000đồng, trong vòng 30 ngày, thu tiền 01 ngày của lần thứ 04 (ngày 29/4/2023) số tiền là 2.500.000đồng và trừ số tiền nợ cũ của lần thứ 03 (ngày 20/4/2023). Số tiền còn lại 13.500.000đồng, bị cáo **D** chuyển khoản cho chị **N**. Chị **N** đã thanh toán xong. Số tiền lãi bị cáo **D** thu được là 10.000.000đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 9.178.082đồng.

- *Lần 06*: Ngày 15/5/2023, vay số tiền 100.000.000đồng, trả góp mỗi ngày 5.000.000đồng, trong vòng 24 ngày, thu tiền 02 ngày đầu với số tiền là 10.000.000đồng, trừ số tiền nợ cũ của lần thứ 04 (ngày 29/4/2023) và lần thứ 05 (ngày 04/5/2023), còn lại số tiền là 32.000.000đồng, bị cáo **D** chuyển khoản cho chị **N**. Sau khi vay tiền, chị **N** đã trả được tổng số tiền 48.500.000đồng, còn lại tiền nợ gốc và tiền lãi 71.500.000đồng. Số tiền lãi bị cáo **D** thu được là 8.083.333đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 7.551.826đồng.

Qua sao kê tài khoản ngân hàng của **Trần Thị Tuyết N** và **Nguyễn Tiến D** thể hiện việc chuyển tiền cho vay và tiền trả nợ giữa chị **N** và **D**.

Như vậy, tổng số tiền lãi **D** đã thu của chị **N** trong 06 lần vay như đã nêu trên là 60.583.333đồng. Trong đó số tiền lãi thu theo quy định là 4.504.110đồng và số tiền thu lợi bất chính là: 56.079.223đồng, với lãi suất từ 0,67 đến 1%/ngày, cao gấp 12,17 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định (20%/năm = 0,0548%/ngày).

Cách tính mức lãi suất, tiền lãi, thu lợi bất chính cụ thể như sau:

- Tiền lãi theo quy định pháp luật = Mức lãi suất cao nhất theo quy định pháp luật (20%/năm) x số tiền vay x số ngày trả.
- Tiền lãi vượt quy định của pháp luật (**T2** thu lợi bất chính) = Tiền lãi đã thu – Tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bị cáo **Nguyễn Tiến D** khai nhận: Số tiền vốn của bị cáo **D** trong quá trình cho chị **N** vay là khoảng 100.000.000đồng, trong đó có số tiền bị cáo **D** mượn của anh **Trần Văn B** vào khoảng cuối tháng 03/2023 là 40.000.000đồng. Sau đó, bị cáo **D** cho chị **Trần Thị Tuyết N** vay trả góp theo ngày, chu kỳ vay từ 24 đến 30 ngày, với lãi suất từ 0,67 đến 1%/ngày. Khi cho vay tiền thì giữa **D** với chị **N** có làm giấy vay tiền trong lần vay đầu tiên và lần vay cuối cùng. Sau khi làm giấy vay tiền ngày 15/5/2023, bị cáo **D** đưa lại cho **B** nhờ cất giữ giùm (lý do nhờ **B** cất giấy vay tiền là vì bị cáo **D** có việc đi ngoài đường sợ bị Công an phát hiện). Khi bị cáo **D** hỏi mượn số tiền 40.000.000đồng, nhưng **B** không có đủ tiền đưa cho bị cáo **D** một lần nên đã đưa cho **D** 02 (hai) lần (lần đầu chuyển khoản số tiền 24.500.000đồng; lần sau đưa 15.500.000đồng tiền mặt). Sau đó, hàng tháng bị cáo **D** có trả cho **B** số tiền lãi (có lần 500.000đồng và cũng có lần 1.000.000đồng), số tiền lãi này được bị cáo **D** chuyển qua số tài khoản ngân hàng của **B** và có cả đưa tiền mặt. Tuy nhiên, khi **B** đưa tiền cho bị cáo **D** vay thì bị cáo **D** chỉ nói là vay để cho người khác vay lấy lãi nhưng không bàn bạc cụ thể với **B** là cho ai vay và cho vay với lãi suất như thế nào, ăn chia với nhau ra sao.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, vật chứng trong vụ án: Không.
- Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị cáo không có yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 363/CT-VKSVT ngày 30-11-2023, Viện Kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu đã truy tố bị cáo **Nguyễn Tiến D** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đối với đối tượng **Trần Văn B** cho bị cáo **Nguyễn Tiến D** vay tiền, sau đó bị cáo **D** góp thêm vào tiền của **B** để cho chị **Trần Thị Tuyết N** vay trả góp theo ngày. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, xác định không có cơ sở để xử lý hình sự đối với **Trần Văn B** đồng phạm với bị cáo **D** về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo **Nguyễn Tiến D** đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo **Nguyễn Tiến D** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến D** từ 60.000.000đồng đến 70.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét. Buộc bị cáo **Nguyễn Tiến D** phải nộp lại số tiền gốc cho vay và số tiền lãi theo quy định của Pháp luật đã nhận là 104.504.110đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử và nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Tiến D** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/3/2023 đến ngày 15/5/2023, bị cáo **Nguyễn Tiến D** đã cho chị **Trần Thị Tuyết N** vay 06 lần tiền, với số tiền gốc là 100.000.000đồng, lãi suất theo ngày từ 0,67% đến 1%/ngày, cao gấp từ 12,17 đến 18,25 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định (20%/năm= 0,0548%/ngày). Tổng số tiền lãi bị cáo đã thu của chị **N** trong 06 lần vay là 60.583.333đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 4.504.110đồng và số tiền lãi bất chính (tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật) là: 56.079.223đồng

Hành vi cho vay với mức lãi suất cao gấp từ 12,17 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định và thu lợi bất chính số tiền

56.079.224đồng mà bị cáo **Nguyễn Tiến D** đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến lĩnh vực hoạt động tín dụng, Ngân hàng do Nhà nước trực tiếp quản lý; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên áp dụng hình phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị cáo không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo **Nguyễn Tiến D** phải nộp lại số tiền gốc đã cho vay là 100.000.000đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Pháp luật mà bị cáo đã nhận là 4.504.110đồng để sung vào ngân sách Nhà nước vì đây là công cụ phạm tội và do hành vi phạm tội mà có.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Tiến D** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến D** số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn Tiên D** phải nộp lại số tiền 104.504.110đ (Một trăm lẻ bốn triệu, năm trăm lẻ bốn ngàn, một trăm mười đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **Nguyễn Tiên D** phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng),

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- Công An Tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kiên